

# CÔNG TY TNHH QUẢNG AN THÀNH NAM CAR CARE CENTER

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUẢNG AN THÀNH NAM CAR CARE CENTER

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG AN THANH NAM CAR CARE CENTER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107765629

**3. Ngày thành lập:** 17/03/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 196 đường Việt Hưng (lô số B1-11), Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904888879

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4511(Chính) |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4512        |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4513        |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4520        |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4530        |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4541        |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4542        |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4543        |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4610        |
| 10. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác<br>-Bán buôn hoa và cây<br>-Bán buôn động vật sống<br>-Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản<br>-Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) | 4620        |
| 11. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4632        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>-Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>-Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>-Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>-Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>-Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>-Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>-Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                             | 4649 |
| 13. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4651 |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652 |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4653 |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659 |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;<br>-Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);                                                                                                                                                                                                                                                               | 4669 |
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4711 |
| 19. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4722 |
| 20. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: -Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4719 |
| 21. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4741 |
| 22. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4742 |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4759 |
| 24. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4763 |

|     |                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>-Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4773 |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng                                                                                                      | 4932 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;<br>-Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng.                                                            | 4933 |
| 28. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                    | 5210 |
| 29. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô                                                                                                                                           | 7710 |
| 30. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                     | 3312 |
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                           | 7730 |
| 32. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: -Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh             | 4772 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                            | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN DUY NAM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/06/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012958634

Ngày cấp: 06/05/2007

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4, Hẻm 12/2/5 Phố Đặng Thai Mai, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 4, Hẻm 12/2/5 Phố Đặng Thai Mai, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN DUY NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/06/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012958634

Ngày cấp: 06/05/2007

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4, Hẻm 12/2/5 Phố Đặng Thai Mai, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 4, Hẻm 12/2/5 Phố Đặng Thai Mai, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội